

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng  
chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng  
ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự của Trường Đại học Luật Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

*Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự của Trường Đại học Luật Hà Nội;*

*Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 22 ngày 22 tháng 10 năm 2025.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự của Trường Đại học Luật Hà Nội. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự của Trường Đại học Luật Hà Nội đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự của Trường Đại học Luật Hà Nội sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 47 tiêu chí chiếm 94%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 2.** Kiến nghị Trường Đại học Luật Hà Nội cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định

hướng ứng dụng ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 3.** Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự của Trường Đại học Luật Hà Nội theo quy định hiện hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH Luật Hà Nội;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Đường**



**Phụ lục I**  
**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG**

**Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng**

**ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự của Trường Đại học Luật Hà Nội**

(Kèm theo Nghị quyết số 133/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/10 /2025

của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                       |                                 | Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                       |                                 |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|-----------------------|---------------------------------|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|-----------------------|---------------------------------|
|                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số<br>tiêu<br>chí đạt | Tỷ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt (%) |                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số<br>tiêu<br>chí đạt | Tỷ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt (%) |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |                            |                             |                       |                                 | <b>Tiêu chuẩn 7</b>     |                            |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 1.1            | 4                          | 4,00                        | 3                     | 100                             | Tiêu chí 7.1            | 4                          | 4,20                        | 5                     | 100                             |
| Tiêu chí 1.2            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 7.2            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 1.3            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 7.3            | 4                          |                             |                       |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |                            |                             |                       |                                 | Tiêu chí 7.4            | 5                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 2.1            | 4                          | 4,00                        | 3                     | 100                             | Tiêu chí 7.5            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 2.2            | 4                          |                             |                       |                                 | <b>Tiêu chuẩn 8</b>     |                            | 4,20                        | 5                     | 100                             |
| Tiêu chí 2.3            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 8.1            | 5                          |                             |                       |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |                            |                             |                       |                                 | Tiêu chí 8.2            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 3.1            | 4                          | 3,67                        | 2                     | 66,67                           | Tiêu chí 8.3            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 3.2            | 3                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 8.4            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 3.3            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 8.5            | 4                          |                             |                       |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |                            |                             |                       |                                 | <b>Tiêu chuẩn 9</b>     |                            |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 4.1            | 4                          | 4,00                        | 3                     | 100                             | Tiêu chí 9.1            | 5                          | 4,20                        | 5                     | 100                             |
| Tiêu chí 4.2            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 9.2            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 4.3            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 9.3            | 4                          |                             |                       |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     |                            |                             |                       |                                 | Tiêu chí 9.4            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 5.1            | 4                          | 3,80                        | 4                     | 80,00                           | Tiêu chí 9.5            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 5.2            | 4                          |                             |                       |                                 | <b>Tiêu chuẩn 10</b>    |                            | 4,00                        | 6                     | 100                             |
| Tiêu chí 5.3            | 3                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 10.1           | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 5.4            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 10.2           | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 5.5            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 10.3           | 4                          |                             |                       |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 6</b>     |                            |                             |                       |                                 | Tiêu chí 10.4           | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 6.1            | 4                          | 4,14                        | 7                     | 100                             | Tiêu chí 10.5           | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 6.2            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 10.6           | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 6.3            | 4                          |                             |                       |                                 | <b>Tiêu chuẩn 11</b>    |                            | 4,00                        | 4                     | 80,00                           |
| Tiêu chí 6.4            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 11.1           | 5                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 6.5            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 11.2           | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 6.6            | 5                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 11.3           | 3                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 6.7            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 11.4           | 4                          |                             |                       |                                 |
|                         |                            |                             |                       |                                 | Tiêu chí 11.5           | 4                          |                             |                       |                                 |

| Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
|----------------|-----------------|---------------------------|
| 4,04           | 47              | 94                        |



## Phụ lục II KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

**Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng  
ngành Luật dân sự và tổ tụng dân sự của Trường Đại học Luật Hà Nội**  
(Kèm theo Nghị quyết số 133/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/10/2025  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

### I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Luật dân sự và tổ tụng dân sự của Trường Đại học Luật Hà Nội, giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, có sự tiếp thu ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng CTĐT của trường. Chuẩn đầu ra của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo kế hoạch của nhà trường. Chuẩn đầu ra được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và thông báo cho học viên các lớp học.

2. Các bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần được xây dựng thống nhất theo mẫu của Trường và có đủ các thông tin theo quy định. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần được rà soát, chỉnh sửa, cập nhật theo kế hoạch của Trường. Đề cương chi tiết các học phần có các ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra CTĐT, ma trận mục tiêu với chuẩn đầu ra của học phần và ma trận chuẩn đầu ra học phần với hình thức tổ chức dạy - học, kiểm tra đánh giá. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, thông báo cho học viên vào buổi khai giảng đầu khóa học, các bên liên quan có thể dễ dàng tiếp cận.

3. Nhà trường có các hướng dẫn chi tiết về quy trình và các biểu mẫu đối với hoạt động xây dựng, cập nhật CTĐT, đề cương chi tiết học phần. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, có sự liên mạch giữa các khối kiến thức, các học phần cơ bản có sự tương thích về nội dung, được phân bổ khá hợp lý. Các học phần trong chương trình dạy học cơ bản thể hiện sự đóng góp nhằm đạt được chuẩn đầu ra. Chương trình dạy học được chỉnh sửa và cập nhật theo quy định, có lấy ý kiến của các bên liên quan và tham khảo các CTĐT trong nước và quốc tế.

4. Trường có ban hành Triết lý giáo dục, có tuyên bố sứ mệnh, tầm nhìn và công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, được công khai ở nhiều vị trí trong Trường và được phổ biến tới toàn bộ cán bộ, giảng viên, người học. Các đề cương chi tiết học phần có mô tả rõ ràng các hình thức dạy và học, hình thức kiểm tra đánh giá. Trường/Khoa đã hướng dẫn người học sử dụng các phương pháp học tập đa dạng, giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt chuẩn

đầu ra của CTĐT. Hoạt động tự học, tự nghiên cứu thông qua nghiên cứu khoa học của học viên được chú trọng. Giảng viên và người học hài lòng với các hoạt động giảng dạy và học tập tại Trường.

5. Nhà trường có đầy đủ hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập và phổ biến đầy đủ cho người học. Công tác thi kết thúc học phần được tổ chức và kiểm soát tốt. Người học được phổ biến đầy đủ các quy định về kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn các quy trình khiếu nại kết quả học tập. Trong giai đoạn đánh giá, không có học viên nào nộp đơn xin phúc khảo kết quả kiểm tra đánh giá.

6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện CTĐT được quy hoạch, phát triển, duy trì đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Số lượng và tỷ lệ giảng viên, nghiên cứu viên có trình độ tiến sĩ tăng nhanh trong các năm của chu kỳ đánh giá. Tỷ lệ giảng viên/người học thực hiện CTĐT đáp ứng quy định hiện hành. Khối lượng công việc của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và quy đổi rõ ràng. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển viên chức được thực hiện theo các quy định của Nhà nước và quy định của Trường. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định dựa trên nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn và triển khai thực hiện. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên được triển khai, tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Các loại hình nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện CTĐT phong phú, có nhiều công bố khoa học trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước biên soạn nhiều giáo trình, sách chuyên khảo phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học. Chỉ số công bố khoa học mỗi năm giảng viên trong chu kỳ đánh giá đạt mức 1,04 bài/giảng viên, cao hơn quy định tại Thông tư số 01/2024/TT-BDGDĐT ngày 05/2/2024.

7. Đội ngũ nhân viên phục vụ được quy hoạch, phát triển dựa trên nhu cầu phát triển của Trường, đáp ứng yêu cầu hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Các quy định, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xây dựng, ban hành và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên phục vụ được xác định làm cơ sở xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên. Kết quả công việc của đội ngũ giảng viên được đánh giá dựa trên mô tả năng lực vị trí việc làm. Đội ngũ nhân viên phục vụ được tham gia xây dựng, góp ý quy định đánh giá hiệu quả công việc và hài lòng với kết quả đánh giá.

8. Chính sách và quy định tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật hàng năm, ngoài thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường còn có chính sách riêng. Tỷ lệ thí sinh nhập học/chỉ tiêu thực sĩ ngành Luật dân sự và tổ tụng dân sự trong chu kỳ đánh giá luôn đạt cao. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng. Trường có quy định và công cụ giám sát, đánh giá sự tiến bộ trong học tập và rèn

luyện người học. Trường có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

9. Trường có đầy đủ hệ thống phòng học, phòng làm việc và phòng chức năng với những trang thiết bị khá hiện đại, đáp ứng các quy định. Các trang thiết bị thường xuyên được duy tu, bảo dưỡng, cập nhật. Thư viện gồm phòng đọc mở, phòng mượn tự động, phòng thông tin, phòng trao đổi nhóm. Học liệu thư viện khá đa dạng, số lượng lớn và được quản lý bằng phần mềm KIPOS và được cập nhật thường xuyên. Có đủ phòng học thực hành với các trang thiết bị cơ bản đáp ứng yêu cầu. Hệ thống công nghệ thông tin tương đối đồng bộ, được bảo dưỡng, cập nhật thường xuyên, đội ngũ chuyên trách về công nghệ thông tin có đủ số lượng và chất lượng. Trường thực hiện các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn và có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật.

10. Nhà trường có quy định và hệ thống đơn vị thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan để xây dựng, rà soát và điều chỉnh CTĐT. Quy định về phát triển CTĐT được rà soát, cải tiến và cập nhật các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chất lượng CTĐT sau điều chỉnh được nâng cao. Nhà trường đã ban hành một số quy định và các đơn vị đã thực hiện đánh giá quá trình dạy - học, quá trình kiểm tra đánh giá và đã có những cải tiến về phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá. Đội ngũ giảng viên có kết quả nghiên cứu khoa học khá tốt và kết quả nghiên cứu của giảng viên đã góp phần tích cực vào nâng cao chất lượng của người học sau tốt nghiệp. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về cơ sở vật chất, dịch vụ hỗ trợ đã được khảo sát và các bên liên quan có mức độ hài lòng cao về những nội dung khảo sát. Nhà trường đã có một số cải tiến về cơ chế phản hồi của các bên liên quan thông qua việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh các quy định, công cụ, phương thức khảo sát, cách thức xử lý thông tin và sử dụng kết quả phản hồi để cải tiến chất lượng.

11. Nhà trường thực hiện tương đối tốt công tác giám sát, thống kê tỉ lệ học viên thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp và tính thời gian tốt nghiệp trung bình. Tỉ lệ học viên thôi học thấp, tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn cao và thời gian tốt nghiệp trung bình sát với thời gian đào tạo chuẩn. Học viên có kết quả nghiên cứu khoa học khá tốt, là đồng tác giả của sách chuyên khảo được xuất bản và các bài báo được công bố trong tạp chí khoa học trong nước, có nhiều đề tài tốt nghiệp được ứng dụng trong thực tiễn. Hoạt động khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan được triển khai định kỳ và kết quả khảo sát được phân tích, đối sánh làm cơ sở để cải tiến chất lượng. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về nội dung khảo sát khá cao.

## II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát, bổ sung các chuẩn đầu ra về kỹ năng truyền bá tri thức, dẫn dắt người khác, kỹ năng công nghệ thông tin cho phù hợp với Khung trình độ quốc gia (bậc 7); mở rộng đối tượng và quy mô lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan khi rà soát, điều chỉnh CTĐT, đa dạng các hình thức quảng bá về chuẩn đầu ra của CTĐT với các bên liên quan.

2. Mô tả cụ thể các phương pháp dạy học gắn với từng hoạt động dạy - học và xây dựng các công cụ đánh giá cụ thể cho các bài kiểm tra đánh giá trong học phần; bổ sung giáo trình và tài liệu tham khảo cập nhật, mang tính thời sự; xác định rõ các hoạt động hướng dẫn, giám sát, hỗ trợ người học tự học và phương pháp kiểm tra đánh giá thực hiện hoạt động tự học; tăng cường các kênh truyền thông nhằm tăng tính hiệu quả trong phổ biến CTĐT, đề cương chi tiết các học phần đến các bên liên quan, tăng cường khảo sát các bên liên quan về nội dung, chất lượng các học phần.

3. Hướng dẫn chi tiết, thống nhất về đo lường được các mức độ đóng góp của các học phần đối với việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT; rà soát mức độ tương thích giữa mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá học phần với chuẩn đầu ra, xem xét bổ sung các học phần phát triển các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng soạn thảo văn bản pháp lý, soạn thảo hợp đồng.

4. Cụ thể hoá nội hàm của Triết lý giáo dục và xây dựng hướng dẫn triển khai, thực hiện đối với các CTĐT, đa dạng hơn các phương thức truyền thông để truyền tải Triết lý giáo dục đến các bên liên quan; tăng cường các hoạt động thực hành, trải nghiệm, diễn án - đóng vai dành cho người học; đa dạng hóa môi trường thực tập thực tế (khu vực tư nhân, yếu tố nước ngoài) dành cho người học; tăng cường tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn về phương pháp dạy học, học tập, tổ chức các hội thi dạy giỏi và đánh giá kết quả học tập nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra; giám sát chặt chẽ việc triển khai lộ trình giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần để đảm bảo đạt chuẩn đầu ra như công bố.

5. Tăng cường sử dụng các phương pháp, công cụ phù hợp để không ngừng nâng cao tính giá trị và tính tin cậy trong công tác kiểm tra đánh giá học tập; thực hiện phân tích, đánh giá đề thi, phân bố điểm sau khi thi; đánh giá hiệu quả, công bằng của các phương pháp kiểm tra đánh giá; xây dựng công cụ đánh giá để đo lường được các chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ - trách nhiệm, năng lực tự học; xây dựng ngân hàng câu hỏi thi cho các học phần, bổ sung rubrics kiểm tra đánh giá cho toàn bộ các học phần trong CTĐT; đa dạng hóa các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần, xây dựng tiêu chí đánh giá luận văn, bài tiểu luận cụ thể chi tiết đảm bảo công bằng, khách quan hơn.

6. Xây dựng kế hoạch, ưu tiên nguồn lực phát triển đội ngũ giảng viên cơ hữu có chức danh giáo sư, phó giáo sư. Định kỳ đánh giá kết quả phát triển đội ngũ theo từng giai đoạn gắn với yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng làm căn cứ điều chỉnh kế hoạch phát triển nhân sự phù hợp với quy mô và chiến lược phát triển của Trường và đề án vị trí việc làm; quy định cụ thể khối

lượng hoạt động phục vụ cộng đồng của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên trong hệ thống các văn bản quy định của Trường làm căn cứ xác định khối lượng công việc và xây dựng, điều chỉnh Chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và Đề án vị trí việc làm; xây dựng, ban hành quy định, quy trình về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm đối viên chức quản lý theo hướng trường đại học tự chủ; rà soát Bộ tiêu chuẩn và Quy trình đánh giá hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên, bổ sung các tiêu chí đánh giá năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện chương trình dạy học và năng lực phục vụ cộng đồng; xây dựng kế hoạch bố trí kinh phí, tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về triển chương trình dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá và bồi dưỡng kỹ năng nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên; xây dựng, sử dụng, khai thác hiệu quả các phần mềm quản lý kết quả giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên và hệ thống cơ sở dữ liệu kết nối với các phòng ban liên quan phục vụ cho công tác quản trị, quản lý, báo cáo, theo dõi chung của Nhà trường; có chính sách khuyến khích nâng cao số lượng công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên tạp chí ISI/SCOPUS và tạp chí quốc tế khác; sử dụng phần mềm chuyên dụng cho việc quản lý kết quả nghiên cứu khoa học, tạo dựng cơ sở dữ liệu, sẵn sàng hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên; đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học tạo động lực nghiên cứu khoa học cho giảng viên, nghiên cứu viên.

7. Định kỳ đánh giá kết quả phát triển đội ngũ nhân viên phục vụ theo từng giai đoạn gắn với yêu cầu hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng làm căn cứ điều chỉnh kế hoạch phát triển nhân sự phù hợp với quy mô và chiến lược phát triển của Trường và đề án vị trí việc làm; xây dựng, ban hành quy định/quy chế tuyển dụng viên chức, hợp đồng lao động; rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung các năng lực phù hợp với từng vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên trong nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu thực tế, mục tiêu phát triển và sứ mạng của Nhà trường; xây dựng, ban hành bộ tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên hỗ trợ, quy định, quy trình về công tác đánh giá năng lực của viên chức nói chung và của đội ngũ nhân viên nói riêng; đánh giá hiệu quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; thực hiện đối sánh kết quả đào tạo, bồi dưỡng hàng năm theo yêu cầu của từng vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, đáp ứng mục tiêu chiến lược và sứ mạng của Nhà trường; hoàn thiện và ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức của Trường làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại viên chức hàng năm; rà soát, cải tiến mẫu kế hoạch công tác, xác định hoạt động, khối lượng công việc/kết quả dự kiến và thời gian cần thực hiện nhằm đánh giá năng lực đội ngũ chuyên viên, nhân viên phục vụ được chính xác và hiệu quả hơn.

8. Rà soát quy định và xác định các trường hợp phải học bổ sung kiến thức và các học phần cụ thể cần bổ sung kiến thức cho thí sinh trước khi xét tuyển sinh để phù hợp với quy định tại Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT và thông báo tuyển sinh hàng năm của Trường; tổ chức sơ/tổng kết các hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện và các hoạt động tư vấn hỗ trợ người học để cải tiến các hoạt động này nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động giám sát, tư vấn, hỗ trợ; thường xuyên tổ chức khảo sát người học và cựu người học về việc làm, về cảnh

quan, môi trường, vệ sinh, an toàn theo quy định để có cơ sở cải tiến; xem xét cải tiến mẫu phiếu sao cho ngắn gọn, nội dung phù hợp với mục đích khảo sát; cải tiến phương pháp khảo sát cụ thể người học để thu thập được nhiều ý kiến đóng góp.

9. Quy hoạch, sắp xếp phòng làm việc cho giáo sư, phó giáo sư cơ hữu theo quy định; điều chỉnh thời gian phục vụ của thư viện để đảm bảo tiện ích hơn đối với học viên cao học và tăng cường liên kết với các trung tâm học liệu trong và ngoài nước nhằm làm phong phú nguồn cơ sở dữ liệu cho giảng viên và học viên, phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; đầu tư kinh phí cải tạo, nâng cấp phòng học ngoại ngữ (phòng Lab) và tổ chức đánh giá hiệu quả sử dụng trang thiết bị của trung tâm thực hành pháp luật, phòng diễn án; triển khai hiệu quả đề án chuyển đổi số hướng đến tầm nhìn đại học số, đại học thông minh; ban hành bộ tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn và tăng cường những biện pháp quản lý rủi ro để ngăn ngừa các sự cố gây mất an toàn, chú ý đến nhu cầu của người học khuyết tật. Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người học theo Thông tư số 33/2021/TT-BYT.

10. Tập trung khảo sát ý kiến các bên liên quan về kiến thức và năng lực của người học sau tốt nghiệp làm cơ sở để điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT; bổ sung một số nội dung trong Quy định về xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, cải tiến CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ như cần ban hành mục tiêu/chuẩn đầu ra của CTĐT trước khi tổ chức xây dựng CTĐT và đề cương học phần, bổ sung các mẫu cấu trúc CTĐT và cấu trúc đề cương học phần; tổ chức cuộc họp đánh giá chất lượng giảng dạy, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá của các học phần sau mỗi học kỳ; quan tâm hơn đến các đề tài cấp cơ sở có liên quan đến phát triển CTĐT, đổi mới phương pháp giảng dạy và công tác kiểm tra đánh giá theo chuẩn đầu ra; hoàn thiện cơ chế cải tiến chất lượng từ kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan và hàng năm nên tổ chức hội nghị tổng kết, đánh giá, phân tích độ tin cậy của kết quả khảo sát, tỉ lệ các bên liên quan phản hồi/tổng số khảo sát, phương thức và công cụ khảo sát, hiệu quả khảo sát để cải tiến chất lượng...); nâng cao trách nhiệm của học viên và cựu học viên trong việc tham gia thực hiện trả lời phiếu khảo sát

11. Cải tiến quy trình và phối hợp chặt chẽ hơn trong việc giám sát số học viên thôi học và tốt nghiệp; quan tâm hơn đến số học viên chưa tốt nghiệp lần đầu để nhắc nhở những học viên này sớm hoàn thành những học phần còn nợ để được xét tốt nghiệp; tăng cường giám sát và hỗ trợ học viên trong quá trình thực hiện luận văn/đề án tốt nghiệp và nâng cao năng lực ngoại ngữ để tăng tỉ lệ học viên tốt nghiệp đúng hạn; hoàn thành việc nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo để đáp ứng tốt hơn yêu cầu giám sát, thống kê các số liệu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; quan tâm hơn đến hoạt động khảo sát việc làm của học viên sau tốt nghiệp và có chính sách/đầu tư kinh phí tốt hơn nữa để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học của học viên; cải tiến hoạt động khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan và định kỳ tổng kết đánh giá chất lượng và hiệu quả của hoạt động khảo sát để có điều chỉnh kịp thời.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Luật dân sự và tổ tụng dân sự của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.